

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:16/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28/5/2021

*Về việc “Tranh chấp Ly hôn,  
Nuôi con chung khi ly hôn ”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Thanh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Hưng, ông Phạm Văn Miền
- *Thư ký phiên toà:* Ông Phùng Lê Lâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G

Trong ngày 28/5/2021 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân- Gia đình thụ lý số: 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2021 về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trương Thị H, sinh năm 1973  
Địa chỉ: Làng S, xã K, huyện Đ, tỉnh G (Có mặt)

*Bị đơn:* Anh Trương Văn Q, sinh năm 1968  
Địa chỉ: Làng S, xã K, huyện Đ, tỉnh G (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

- *Nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày:*

Tôi và anh Q qua một thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Hoàng Thanh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không hòa hợp, hạnh phúc. Nay thấy không thể tiếp tục sống với nhau được nữa, đề nghị Toà án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

+Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là: Trương Huy B, sinh ngày 10/8/2013. Nguyên vọng tôi xin nuôi con, yêu cầu anh Q cấp dưỡng 2.000.000/tháng.

+Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

+Về án phí: Tôi tự nguyện chịu hết án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn anh anh Trương Văn Q trình bày:

Tôi và cô H có quan hệ hôn nhân và con chung như cô H trình bày. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau có phát sinh mâu thuẫn với nhau, nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nên cô H yêu cầu ly hôn, tôi không chấp nhận. Nếu cô H một mực yêu cầu ly hôn thì tôi chấp nhận ly hôn, nhưng tôi xin được tiếp tục nuôi con ( cháu Trương Huy B), không yêu cầu cô H cấp dưỡng nuôi con. Tôi chấp nhận cô H tự nguyện chịu hết án phí theo quy định của pháp luật.

**Chứng cứ các đương sự giao nộp có trong hồ sơ gồm:**

02 Giấy chứng minh nhân dân (phô tô)

01 Giấy chứng nhận kết hôn (gốc)

01 Giấy khai sinh ( bản sao)

01 Sổ hộ khẩu (phô tô)

**Tại phiên tòa:**

- Chị Trương Thị H trình bày giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Huy B, sinh ngày 10/8/2013, yêu cầu anh Trương Văn Q cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng tính từ tháng 6/2021 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và trình bày thêm nghề nghiệp là giáo viên có thu nhập lương hơn 11.000.000đ/tháng, rất ổn định, B đảm có sức khỏe để chăm sóc nuôi dưỡng con, còn anh Q đã có con cháu riêng với người vợ trước đã ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Anh Trương Văn Q trình bày chấp nhận ly hôn, nhưng yêu cầu được tiếp tục nuôi con ( cháu Trương Huy B), không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con và trình bày thêm nghề nghiệp là lái xe chở mủ cao su của Công ty cao su 74 – Binh đoàn 15, có lương từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ, ngoài ra còn chăn nuôi tăng thêm thu nhập, B đảm có sức khỏe để chăm sóc nuôi dưỡng con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

\* Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có văn bản hoàn trả hồ sơ vụ án và không quyết định phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn là anh Trương Văn Q, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và ý kiến trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, thể hiện anh Q và chị H có trải qua thời gian quen biết tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng

Thanh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn, theo nguyên đơn chị Trương Thị H xuất phát từ việc chị H và anh Q thường xuyên mâu thuẫn, không hòa hợp, hiện đã sống ly thân mỗi người một nơi cho đến nay. Theo bị đơn anh Trương Văn Q trình bày thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức phải ly hôn, nên anh không chấp nhận ly hôn.

Nhận thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích, thuyết phục, hòa giải để các đương sự thỏa thuận trở về đoàn tụ, nhưng các đương sự không thỏa thuận trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Q đồng ý ly hôn. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Các đương sự công nhận có 01 con chung là: Trương Huy B, sinh ngày 10/8/2013. Nguyên vọng của chị H được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Q cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của các đương sự là chính đáng. Tuy nhiên theo nguyện vọng của cháu B muốn được ở với chị Trương Thị H, mặt khác chị H có nghề nghiệp là giáo viên, có tiền lương ổn định và nhiều hơn anh Q, có sức khỏe B đảm nuôi dưỡng con. Do đó cần giao cho chị H được trực tiếp nuôi con là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của cháu B.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000/tháng, thời gian tính từ tháng 6/2021, nhưng anh Q không chấp nhận.

Xét việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ là người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị H yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con là để anh Q thể hiện trách nhiệm với con chung và có căn cứ theo pháp luật quy định, nên việc anh Q không chấp nhận cấp dưỡng nuôi con là không phù hợp với quy định của pháp luật, do đó cần buộc anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Huy B đến đủ 18 tuổi. Tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được mức cấp dưỡng, do đó cần buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000/tháng, thời gian tính từ tháng 6/2021 là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Cần buộc nguyên đơn chị Trương Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, buộc bị đơn anh Trương Văn Q phải chịu 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

***Vì các lẽ trên***

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 246, 264, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Trương Văn Q.

+ Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Trương Huy B, sinh ngày 10/8/2013 cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

+ Buộc anh Trương Văn Q cấp dưỡng nuôi cháu Trương Huy B mức 1.500.000/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2021 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

+ Anh Q được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

+ Chị H, anh Q đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu giải quyết thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

+ Buộc anh Trương Văn Q phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc chị Trương Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm về ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008395 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đình Hưng**

**Phạm Văn Miên**

**Nguyễn Văn Thanh**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- THADS ;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Thanh**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Hưng, ông Phạm Văn Miên

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 28/5/2021, tại phòng Nghị án Tòa án nhân dân huyện Đ. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2021 về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” giữa nguyên đơn chị Trương Thị H và bị đơn anh Trương Văn Q.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa;

Trên cơ sở xem xét kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa: Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử thảo luận và giải quyết những vấn đề của vụ án như sau:

**1. Về Điều luật áp dụng:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 246, 264, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

**- Kết quả biểu quyết: 03/03**

**2. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:**

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài, đã ly thân. Do đó mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, bị đơn đồng ý ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình cần công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của các đương sự.

**- Kết quả biểu quyết : 03/03**

**3. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung:**

Các đương sự công nhận có 01 con chung là: Trương Huy B, sinh ngày 10/8/2013. Nguyên vọng của chị H được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000/tháng, thời gian tính từ tháng 6/2021, nhưng anh Q không chấp nhận.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của các đương sự là chính đáng. Tuy nhiên theo nguyện vọng của cháu B muốn được ở với chị H, mặt khác chị H có nghề nghiệp là giáo viên, có tiền lương ổn định và nhiều hơn anh Q, có sức

khỏe B đảm nuôi dưỡng con. Do đó cần giao cho chị H được trực tiếp nuôi con là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của cháu B.

Xét mức thu nhập của anh Q và nhận thấy chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đ/tháng là chưa phù hợp, nên cần buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con ở mức 1.500.000đ/tháng là phù hợp.

**- Kết quả biểu quyết : 03/03**

4. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không có yêu cầu, nên không xem xét.

**- Kết quả biểu quyết: 03/03**

5. Các vấn đề khác :

+Buộc nguyên đơn chị Trương Thị H phải chịu hết toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn là 300.000đồng theo quy định của pháp luật, khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp. Buộc bị đơn anh Trương Văn Q phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước.

+Tuyên quyền thăm nom con, thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của các đương sự.

+Tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

**- Kết quả biểu quyết : 03/03**

Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 15 phút cùng ngày. Đã thông qua biên bản và các thành viên HĐXX đã nhất trí cùng ký tên dưới đây.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đình Hưng**

**Phạm Văn Miên**

**Nguyễn Văn Thanh**